

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST

Ngày 17/12/2019

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Bình.

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đình Quang

2. Ông Thái Đình Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà YHLam - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2019/TLST-HNGĐ ngày 23/9/2019 về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2019.

1/ *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm: 1990; địa chỉ cư trú: thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

2/ *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm: 1979; địa chỉ cư trú: thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/8/2019 và bản tự khai ngày 23/9/2019 chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị D và anh Nguyễn Văn D là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Trong cuộc sống giữa hai vợ chồng không hợp nhau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc đánh đập nhau, nhiều lần hai bên gia đình hòa giải nhưng không hòa thuận với nhau. Chị D cho rằng không còn tình cảm vợ chồng và không sống chung với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị D và anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn Triệu V, sinh ngày 04/10/2008. Khi ly hôn chị giao con cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tổng đạt hợp lệ cho anh Nguyễn Văn D nhiều lần, nhưng anh D không đến Tòa án tham gia tố tụng nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: 01 CMND của chị D; 01 sổ hộ khẩu; 01 giấy chứng nhận kết hôn; 01 giấy khai sinh của cháu V; 01 bản tự khai của chị D; 01 đơn xin xác nhận và 01 bản tự khai của cháu V.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh D không đến Tòa để tham gia tố tụng nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án và Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định về tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D đối với anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Triệu V, sinh ngày 04/10/2008 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị D không cấp dưỡng nuôi con chung, khi nào anh D có đơn yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung thì Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cùng với các tài liệu chứng cứ được chủ tọa công bố tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị D có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai giải quyết ly hôn đối với anh Nguyễn Văn D. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập anh D tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng anh D không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Tại biên bản xác minh ngày 24/10/2019 và 12/11/2019 tại gia đình và địa phương cung cấp thông tin thể hiện anh D hiện đang cư trú tại thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Do đó Tòa án áp dụng quy định

tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh D là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2010, tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Trong cuộc sống giữa hai vợ chồng không hợp nhau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc đánh đập nhau, nhiều lần hai bên gia đình hòa giải nhưng không hòa thuận với nhau. Chị D cho rằng không còn tình cảm vợ chồng và không sống chung với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D. Xét thấy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nhưng hiện tại tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh D không còn, không còn chung sống với nhau chị D đã bỏ nhà ra đi, không còn tôn trọng lẫn nhau, đời sống vợ chồng không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh D.

[3] Về con chung: Chị D và anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn Triệu V, sinh ngày 04/10/2008, trong quá trình giải quyết vụ án chị D khai cháu V đang sống với anh D và đồng ý giao con chung cho anh D nuôi dưỡng. Cháu V khai nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng sống với bố. Do đó, giao cháu V cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị D không cấp dưỡng nuôi con chung, khi nào anh D có đơn yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung thì khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

[1] Về Hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D. Chị Nguyễn Thị D ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

[2] Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Triệu V, sinh ngày 04/10/2008, cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị D không cấp dưỡng nuôi con chung, khi nào anh D có đơn yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung thì khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

Người không trực tiếp nuôi con, có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được

cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con, có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ của họ. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà chị D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004457 ngày 23/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

[5] Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6] Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã T
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Ngọc Bình